

DOI:10.22144/ctu.jvn.2016.565

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THAM GIA VÀO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VƯỜN SINH THÁI CỦA HỘ GIA ĐÌNH TẠI HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Đỗ Thiện Toàn<sup>1</sup>, Bùi Văn Trinh<sup>2</sup> và Nguyễn Quốc Nghi<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 23/02/2016

Ngày chấp nhận: 28/10/2016

### Title:

Factors affecting the participation in ecological garden tourism activities of households in Phong Dien district, Can Tho city

### Từ khóa:

Vườn sinh thái, hộ gia đình, sự tham gia, du lịch, Phong Điền

### Keywords:

Ecological garden, households, participation, Phong Dien, travel

### ABSTRACT

This study is aimed to determine factors affecting the participation in ecological garden tourism activities of households in Phong Dien district, Can Tho city. Descriptive statistics, medium, Cronbach's Alpha Coefficient and Exploratory Factor Analysis methods were used. The study results showed that five factors affected the participation of households including: (i) local policies, (ii) natural environment and social capital, (iii) social culture, (iv) local resources, and (v) economic benefits. Some recommendations were proposed to enhance the participation of families in ecological garden tourism activities.

### TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào hoạt động du lịch vườn sinh thái của hộ gia đình ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Phương pháp thống kê mô tả, điểm trung bình; hệ số Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố tác động đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái bao gồm: (i) Chính sách địa phương, (ii) Môi trường tự nhiên và vốn xã hội, (iii) Văn hóa xã hội, (iv) Nguồn lực địa phương, (v) Lợi ích kinh tế. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái.

Trích dẫn: Đỗ Thiện Toàn, Bùi Văn Trinh và Nguyễn Quốc Nghi, 2016. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào hoạt động du lịch vườn sinh thái của hộ gia đình tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 46d: 12-19.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, khi mà áp lực trong cuộc sống và công việc ngày càng mạnh mẽ hơn, dẫn đến con người căng thẳng hơn và mong muốn quay về với cuộc sống gần gũi với thiên nhiên. Bên cạnh đó, môi trường ngày càng ô nhiễm cũng đang báo động cần được bảo vệ cấp thiết. Để giải quyết được 2 bất cập trên có một dịch vụ có thể giúp con người giải tỏa căng thẳng và giáo dục được ý thức bảo vệ môi trường, đó là du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái

trên thế giới đang ngày càng phát triển, và không thể không nói đến lợi ích to lớn mà nó mang lại. Du lịch sinh thái đóng góp to lớn cho nền kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm và phát triển bền vững (Ravinder & Anil, 2012). Năm dịp xu hướng cùng thế giới, du lịch ở Việt Nam cũng được chú trọng, đặc biệt là loại hình du lịch sinh thái. Tuy nhiên, để du lịch sinh thái phát triển được thì cần có sự tham gia của hộ gia đình, hộ gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành và phát triển du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái là hình

thức du lịch nhấn mạnh sự tham gia của cộng đồng (Omondi & Kamau, 2010; Fariborz & Ma'rof, 2008). Sự tham gia của cộng đồng là một yếu tố quan trọng để một điểm du lịch thành công và phát triển giống như tồn tại một mối quan hệ cộng sinh giữa sự tham gia của cộng đồng và phát triển du lịch (Ravider & Anil, 2012).

Bên cạnh đó, thành phố Cần Thơ (TPCT) là thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam và là trung tâm kinh tế - văn hóa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nhắc đến Cần Thơ không thể không kể đến bến Ninh Kiều, chợ Núi Cái Răng, chợ Núi Phong Điền,... TPCT có được nét mộc mạc đậm chất sông nước miền Tây Nam Bộ cộng thêm hiện hữu nhiều vườn trái cây đặc sản, rất phù hợp để phát triển loại hình du lịch xanh, du lịch sinh thái kết hợp với vườn cây ăn trái. Mặt khác, loại hình du lịch vườn sinh thái tại huyện Phong Điền đang được cấp chính quyền TPCT chú trọng đầu tư và định hướng phát triển cho huyện theo ngành công nghiệp không khói này. Chính vì thế, mục tiêu của nghiên cứu là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái ở TPCT, từ đó có những khuyến nghị nhằm khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái, tạo ra việc làm và thu nhập ổn định cho người dân khi tham gia du lịch.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Khái niệm vườn du lịch

Vườn du lịch là một loại hình kết hợp giữa vườn cây, thường là vườn cây ăn trái với việc phục vụ du lịch. Vườn du lịch cũng là một loại hình du lịch sinh thái đang được ứng dụng rất phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt là ĐBSCL. Theo Nguyễn Thị Hóa (2000), Vườn du lịch chủ yếu là cây ăn quả, cây cảnh để kinh doanh du lịch. Bên cạnh đó, Nguyễn Văn Hoàng (2013) cho rằng, du lịch sinh thái vườn là sự kết hợp giữa những vườn rau, vườn hoa với những loại đặc trưng của vùng để phục vụ khách du lịch.

### 2.2 Cơ sở xây dựng mô hình nghiên cứu

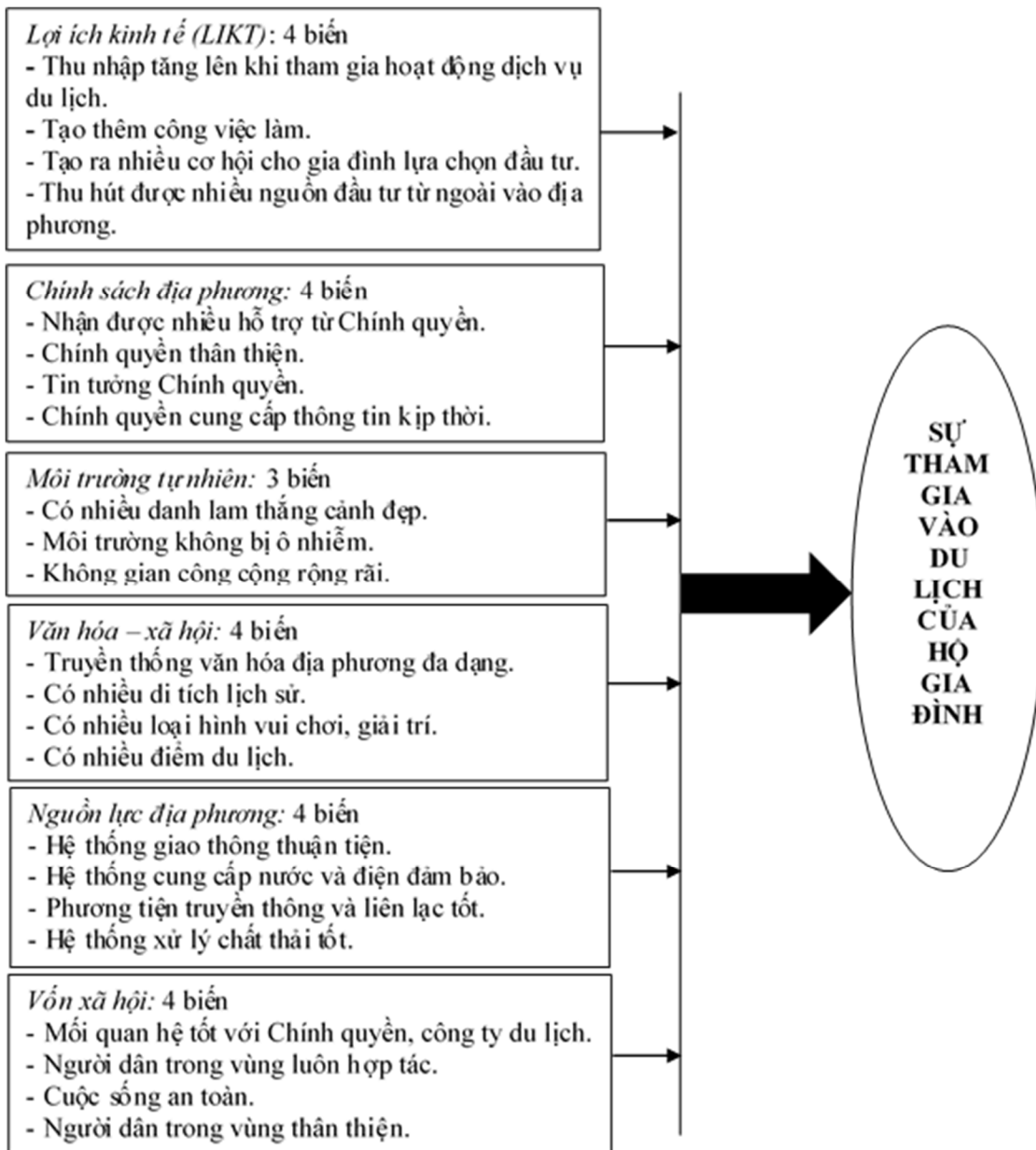
Sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch rất quan trọng, là điều kiện giúp cho du lịch của địa phương hoạt động và phát triển tốt. Trên thế giới đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Sự hỗ trợ của cộng đồng vào hoạt động du lịch sinh thái bị tác động bởi các yếu tố, kinh tế, môi trường, văn hóa xã hội, nguồn lực của địa phương (Yooshik và ctv., 2001; Akarapong và ctv., 2010; Tsung 2013; Dimitrios và ctv., 2014; Pam và ctv., 2007 và Sun, 2013). Mặt khác, nhận thức của cộng đồng đối với phát triển du lịch bị tác động bởi các

yếu tố, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, chính quyền, chi phí cuộc sống và thái độ của người dân (Subchat, 2013; Yunpeng, 2009; Tatoglu và ctv., 2002; Brida và ctv., 2011; Brida và ctv., 2012 và Mohd và ctv., 2013). Bên cạnh đó, sự sẵn lòng tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái của hộ gia đình cũng được nhiều nhà nghiên cứu thực hiện. Theo Tang và ctv. (2012), các nhân tố kinh tế, văn hóa xã hội, nguồn lực địa phương và môi trường; Huamin & Xuejing (2011), các nhân tố kinh tế, chính quyền, nguồn lực địa phương và môi trường; Rojana (2013) các nhân tố, kinh tế, văn hóa xã hội và chính quyền; Rukavina và ctv. (2013) các nhân tố, vốn xã hội, chính quyền và quy luật là có ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái của hộ gia đình. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào hoạt động du lịch vườn sinh thái có dạng như Hình 1.

a) *Lợi ích kinh tế*: là những lợi ích về mặt kinh tế mà hộ gia đình nhận được khi tham gia vào hoạt động du lịch. Theo Cevat (2000) và May và ctv. (2013), lợi ích là một trong những tác động chính dẫn đến sự tham gia vào du lịch của hộ gia đình. Bên cạnh đó, Rojana (2013) cho rằng, lợi ích kinh tế là một yếu tố không thể thiếu khi tham gia vào hoạt động du lịch, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, nó là động lực ban đầu khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình vào du lịch. Chính vì thế, lợi ích kinh tế sẽ góp phần tác động đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch.

b) *Chính sách địa phương*: là những hỗ trợ từ chính quyền địa phương đến những hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch. Theo đó, chính sách địa phương rất quan trọng, tạo điều kiện để các tác nhân phục vụ du lịch liên kết và tham gia vào du lịch (Rojana, 2013). Bên cạnh đó, chính sách sẽ góp phần cho việc phát triển du lịch, dẫn đến khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch (Huamin & Xuejing, 2011). Chính vì thế, chính sách địa phương được cho là một yếu tố khuyến khích các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch.

c) *Môi trường tự nhiên*: một địa điểm du lịch có thể phát triển hay không phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện môi trường tự nhiên. Theo May và ctv. (2013), môi trường tự nhiên cần được đặc biệt chú trọng, vì môi trường tự nhiên là sự cần thiết cho sự phát triển du lịch bền vững. Do đó, nếu địa phương có điều kiện môi trường tự nhiên thích hợp, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động du lịch phát triển. Dẫn đến, khuyến khích sự tham gia của các hộ gia đình vào hoạt động du lịch.



**Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất**

d) *Văn hóa - xã hội*: là những nét văn hóa và di tích lịch sử ở địa phương, điều này góp phần làm tăng thêm giá trị cho địa điểm du lịch, thu hút khách du lịch. Theo Yooshik và ctv. (2001), văn hóa – xã hội góp phần tạo ra nhiều lợi ích, giúp cho du lịch ở địa phương phát triển. Qua đó, văn hóa – xã hội cũng sẽ có những đóng góp, khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch.

e) *Nguồn lực địa phương*: là những cơ sở vật chất của địa phương, đóng góp vào việc hình thành và phát triển du lịch. Theo Akarapong và ctv. (2010) địa phương có du lịch phát triển cần có những điều kiện về cơ sở hạ tầng, giao thông tốt... Do đó, nếu địa phương có điều kiện về cơ sở vật

chất tốt, sẽ góp phần cho hoạt động du lịch có chất lượng hơn. Điều này dẫn đến, có nhiều thuận lợi hơn cho các hộ gia đình khi tham gia vào hoạt động du lịch.

f) *Vốn xã hội*: thể hiện thông qua các mối quan hệ của hộ gia đình với những tác nhân khác trong hoạt động du lịch. Rojana (2013) cho rằng, vốn xã hội là một yếu tố quan trọng khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình, vì khi hộ gia đình tham gia du lịch sẽ tồn tại nhiều khó khăn như: nguồn vốn, kỹ năng chuyên môn và việc quảng bá tiếp thị, nhưng nếu có quan hệ tốt với các tác nhân khác sẽ thuận lợi hơn trong việc giải quyết những khó khăn. Chính vì thế, nếu hộ gia đình có mối quan hệ tốt

với các tác nhân khác, sẽ tạo điều kiện cho hoạt động du lịch tốt hơn, góp phần làm tăng sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch.

### 2.3 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp đối tượng khảo sát thông qua bảng câu hỏi đã được soạn thảo trước. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua tiến trình sau: **Bước 1. Soạn thảo bảng câu hỏi:** Bảng câu hỏi được soạn thảo dựa trên mục tiêu và mô hình nghiên cứu; **Bước 2. Thực hiện điều tra thử:** Điều tra thử tại địa bàn nghiên cứu nhằm kiểm tra tính phù hợp của bảng câu hỏi, sau đó điều chỉnh cho phù hợp với thực tế tại vùng nghiên cứu; **Bước 3. Thực hiện điều tra chính thức:** Tiến hành thu số liệu chính thức. Do không có danh sách hay số lượng hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch cụ thể. Thêm vào đó, hệ thống giao thông chằng chịt rất khó tiếp cận đối tượng khảo sát. Chính vì thế, nhóm tác giả đến khảo sát tại những điểm du lịch dễ dàng tiếp cận, sau đó nhờ họ giới thiệu thêm những điểm vườn du lịch khác. Do đó, số liệu được thu thập theo phương pháp thuận tiện.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp để giải quyết mục tiêu nghiên cứu đó là phân tích nhân tố khám phá. Theo Hair và ctv. (2006), trong nghiên cứu thì kích thước mẫu càng lớn càng tốt. Tuy nhiên, đối với trường hợp tổng thể bị hạn chế số lượng thì còn có cách giới hạn lại. Đối với phân tích nhân tố khám phá thì tỷ lệ mẫu và biến quan sát là 5:1 có nghĩa là 1 biến đo lường cần tối thiểu là 5 quan sát trong nghiên cứu sử dụng 23 biến để đo lường vậy  $23 \times 5 = 115$  quan sát. Tuy nhiên, nhóm tác giả chọn cỡ mẫu của nghiên cứu là 120 quan sát.

**Bảng 1: Mô tả mẫu điều tra theo đối tượng**

| Ngành nghề              | Quan sát | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|----------|-----------|
| Nhà vườn                | 52       | 43,33     |
| Hộ tham gia vận chuyển  | 30       | 25,00     |
| Hộ phục vụ thực phẩm    | 22       | 18,33     |
| Hộ làm thủ công mỹ nghệ | 16       | 13,33     |
| Tổng                    | 120      | 100,00    |

### 2.4 Phương pháp phân tích số liệu

Việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái được thực hiện thông qua các bước:

**Bước 1,** sử dụng hệ số Cronbach's Alpha để kiểm định mức độ chặt chẽ của các biến quan sát, những biến không đảm bảo độ tin cậy sẽ bị loại khỏi mô hình nghiên cứu.

**Bước 2,** sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để kiểm định các nhân tố ảnh hưởng và

nhận diện các nhân tố được cho là ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình.

**Bước 3,** sử dụng phương pháp tính điểm trung bình và xếp hạng mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái.

## 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Bước 1: Đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha

Bộ tiêu chí gồm 23 biến là nhận định của các hộ gia đình đã tham gia vào hoạt động phục vụ du lịch như: Chính sách địa phương; Nguồn lực địa phương; Môi trường tự nhiên; Văn hóa – Xã hội; Vốn xã hội; Lợi ích kinh tế. Tất cả đều đo lường bằng thang đo liker 5 mức độ, thông qua đánh giá của đáp viên từ rất không đồng ý đến rất đồng ý.

**Bảng 2: Kết quả kiểm định thang đo**

| Nhân tố                         | Hệ số tương quan biến tổng | Cronbach's Alpha nếu biến bị loại |
|---------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|
| <b>Cronbach's Alpha = 0,896</b> |                            |                                   |
| CSDP1                           | 0,358                      | 0,896                             |
| CSDP2                           | 0,401                      | 0,895                             |
| CSDP3                           | 0,587                      | 0,889                             |
| CSDP4                           | 0,560                      | 0,890                             |
| NLDP1                           | 0,468                      | 0,893                             |
| NLDP2                           | 0,525                      | 0,891                             |
| NLDP3                           | 0,424                      | 0,894                             |
| NLDP4                           | 0,378                      | 0,895                             |
| MTTN1                           | 0,560                      | 0,890                             |
| MTTN2                           | 0,580                      | 0,890                             |
| MTTN3                           | 0,631                      | 0,888                             |
| VHXH1                           | 0,358                      | 0,895                             |
| VHXH2                           | 0,476                      | 0,892                             |
| VHXH3                           | 0,561                      | 0,891                             |
| VHXH4                           | 0,423                      | 0,894                             |
| VXH1                            | 0,568                      | 0,890                             |
| VXH2                            | 0,672                      | 0,887                             |
| VXH3                            | 0,609                      | 0,889                             |
| VXH4                            | 0,651                      | 0,888                             |
| LI1                             | 0,308                      | 0,896                             |
| LI2                             | 0,585                      | 0,891                             |
| LI3                             | 0,534                      | 0,891                             |

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

Thang đo được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Thang đo sẽ được chọn nếu hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 (Nunnally & Bernstein, 1994). Kết quả kiểm định cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,896 nằm trong khoảng từ 0,8 đến 1 chứng tỏ thang đo lường là tốt. Tuy nhiên, hệ số tương quan biến tổng < 0,3 sẽ bị loại khỏi mô hình nghiên cứu (Nunnally, 1978;

Peterson, 1994; Slater, 1995). Do đó, có 1 biến bị loại khỏi mô hình là LI4: Thu hút được nhiều nguồn đầu tư từ ngoài vào địa phương. Vì vậy, còn lại 22 biến quan sát được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá tiếp theo.

**Bước 2: Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA**

Giá trị của 2 kiểm định KMO và Bartlett’s dùng để kiểm định sự phù hợp và sự tương quan giữa các biến. Giá trị KMO = 0,807 nằm trong khoảng từ 0,5 đến 1 điều này chứng tỏ phân tích nhân tố khám phá là phù hợp (Hair và ctv., 2006); trong kiểm định Bartlett’s giá trị Sig. = 0,000 < 0,05 điều

này thể hiện các biến có tương quan với nhau trong tổng thể (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Giá trị tổng phương sai trích = 68,728% (>50%) đạt yêu cầu (Gerbing & Anderson, 1987; Hair và ctv., 2006), điều này cho thấy các biến quan sát giải thích được 68,728% độ biến thiên của dữ liệu. Theo Hair và ctv. (1998) hệ số tải nhân tố là chỉ tiêu đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của EFA, hệ số tải nhân tố >0,3 được xem là đạt được mức tối thiểu và cỡ mẫu nên chọn ít nhất là 350, hệ số tải nhân tố >0,4 được xem là quan trọng, nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì hệ số tải nhân tố >0,5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn.

**Bảng 3: Kết quả ma trận xoay nhân tố**

| Nhân tố                                      | Hệ số tải nhân tố |       |        |        |        |
|--|-------------------|-------|--------|--------|--------|
|  | F1                | F2    | F3     | F4     | F5     |
| CSDP1  | 0,787             | 0,129 | -0,123 | -0,060 | 0,124  |
| CSDP2  | 0,828             | 0,168 | -0,075 | -0,054 | 0,060  |
| CSDP3  | 0,817             | 0,145 | 0,138  | 0,180  | 0,117  |
| CSDP4  | 0,777             | 0,253 | 0,053  | 0,149  | 0,078  |
| NLDP1  | 0,066             | 0,082 | 0,435  | 0,679  | -0,027 |
| NLDP2  | 0,125             | 0,191 | 0,109  | 0,842  | 0,111  |
| NLDP3  | 0,106             | 0,043 | 0,068  | 0,833  | 0,156  |
| NLDP4  | -0,021            | 0,205 | 0,089  | 0,720  | 0,043  |
| MTTN2  | 0,166             | 0,716 | -0,079 | 0,239  | 0,291  |
| MTTN3  | 0,247             | 0,716 | 0,045  | 0,230  | 0,140  |
| VHXX1  | -0,020            | 0,046 | 0,779  | 0,091  | 0,099  |
| VHXX2  | 0,151             | 0,011 | 0,792  | 0,075  | 0,274  |
| VHXX3  | 0,026             | 0,405 | 0,644  | 0,142  | 0,101  |
| VHXX4  | -0,055            | 0,194 | 0,736  | 0,197  | -0,010 |
| VXH1   | 0,577             | 0,206 | 0,396  | 0,198  | -0,054 |
| VXH2   | 0,336             | 0,742 | 0,285  | 0,101  | -0,038 |
| VXH3   | 0,061             | 0,797 | 0,275  | 0,080  | 0,135  |
| VXH4   | 0,288             | 0,745 | 0,155  | 0,057  | 0,217  |
| LI1  | -0,049            | 0,161 | -0,047 | 0,187  | 0,744  |
| LI2  | 0,153             | 0,271 | 0,289  | 0,071  | 0,788  |
| LI3  | 0,321             | 0,134 | 0,285  | 0,004  | 0,703  |
| Lượng biến thiên được giải thích bởi nhân tố | 6,952             | 2,718 | 1,797  | 1,601  | 1,365  |
| Tổng phương sai trích                        |                   |       |        |        | 68,728 |

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

Kết quả phân tích nhân tố lần 2 thực hiện được thể hiện trong Bảng 3, sau phân tích nhân tố lần 1 biến MT1 đã bị loại khỏi mô hình nghiên cứu do có hệ tải nhân tố không thỏa điều kiện <0,5. Các biến còn lại được tiến hành phân tích nhân tố lần 2 đều có hệ số tải nhân tố >0,5 do đó không có biến nào loại khỏi mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các biến được rút trích thành 5 nhóm, bao gồm: F1: chính sách địa phương (CSDP1, CSDP2, CSDP3, CSDP4, VXH1); F2: môi trường tự nhiên và văn hóa xã hội (MTTN2, MTTN3, VHXX2, VHXX3, VHXX4); F3: văn hóa xã hội (VHXX1, VHXX2, VHXX3, VHXX4); F4: nguồn lực địa phương

(NLDP1, NLDP2, NLDP3, NLDP4); F5: lợi ích kinh tế (LI1, LI2, LI3).

**Bước 3: Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố**

Với kết quả phân tích nhân tố khám phá ở bước 3, cho thấy các biến quan sát được rút trích thành 5 yếu tố, bao gồm: F1: chính sách địa phương, F2: môi trường tự nhiên và văn hóa xã hội, F3: văn hóa xã hội, F4: nguồn lực địa phương, F5: lợi ích kinh tế. Như vậy, có 5 nhóm yếu tố tác động đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái. Mức độ tác động của từng nhóm nhân tố đến sự tham gia của hộ gia đình được thể hiện ở Bảng 4.

**Bảng 4: Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố**

| Nhân tố                                  | Độ lệch chuẩn | Giá trị trung bình               | Xếp hạng |
|--|---------------|----------------------------------|----------|
| <i>Lợi ích kinh tế</i>                   |               | <i>Giá trị trung bình = 4,09</i> |          |
| LI1                                      | 0,901         | 3,81                             | 1        |
| LI2                                      | 0,799         | 4,28                             |          |
| LI3                                      | 0,781         | 4,19                             |          |
| <i>Môi trường tự nhiên và vốn xã hội</i> |               | <i>Giá trị trung bình = 3,73</i> |          |
| MTTN2                                    | 1,242         | 3,64                             | 2        |
| MTTN3                                    | 1,292         | 3,75                             |          |
| VXH2                                     | 1,152         | 4,13                             |          |
| VXH3                                     | 1,119         | 4,03                             |          |
| VXH4                                     | 1,137         | 3,80                             |          |
| <i>Nguồn lực địa phương</i>              |               | <i>Giá trị trung bình = 3,66</i> |          |
| NLDP1                                    | 1,248         | 3,65                             | 3        |
| NLDP2                                    | 1,000         | 3,98                             |          |
| NLDP3                                    | 0,904         | 3,83                             |          |
| NLDP4                                    | 1,162         | 3,19                             |          |
| <i>Văn hóa xã hội</i>                    |               | <i>Giá trị trung bình = 3,63</i> |          |
| VHXH1                                    | 1,174         | 3,73                             | 4        |
| VHXH2                                    | 1,157         | 3,83                             |          |
| VHXH3                                    | 0,938         | 3,67                             |          |
| VHXH4                                    | 1,1074        | 3,30                             |          |
| <i>Chính sách địa phương</i>             |               | <i>Giá trị trung bình = 3,20</i> |          |
| CSDP1                                    | 1,338         | 2,58                             | 5        |
| CSDP2                                    | 1,275         | 2,77                             |          |
| CSDP3                                    | 1,195         | 3,48                             |          |
| CSDP4                                    | 1,092         | 3,48                             |          |
| VXH1                                     | 1,201         | 3,69                             |          |

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2015)

Chú thích: 1: Rất không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Trung lập; 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý

Theo đó, nhóm nhân tố “Lợi ích kinh tế” là biến tác động mạnh nhất đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái, có điểm trung bình là 4,09. Điều này là hiển nhiên, trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi ích kinh tế luôn là mối quan tâm hàng đầu của người đầu tư. Thật vậy, khi tham gia vào hoạt động du lịch đã làm tăng thêm thu nhập cho người tham gia, góp phần giải quyết việc làm cho một số bộ phận lao động ở địa phương,... Kết quả này cũng tương xứng với kết quả các nghiên cứu đã lược khảo, lợi ích kinh tế là một yếu tố quan trọng khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái. Mặc dù nhận được lợi ích kinh tế, nhưng chưa thật sự tương xứng với tiềm năng mà du lịch địa phương mang lại. Do không có sản phẩm du lịch đặc trưng và chưa có chiến lược quảng bá du lịch, cho nên lượng khách du lịch chưa nhiều và có tính thời vụ.

Kế đến, nhóm nhân tố “Môi trường tự nhiên và vốn xã hội” có điểm trung bình là 3,73. Điều này cho thấy, khi địa phương có điều kiện về môi trường tự nhiên và hộ gia đình có mối quan hệ tốt với các tác nhân liên quan thì sự tham gia của hộ

gia đình sẽ được gia tăng. Thật vậy, đối với loại hình du lịch sinh thái, môi trường tự nhiên là một yếu tố quan trọng quyết định sự bền vững của hoạt động du lịch. Huyện Phong Điền được mệnh danh là vương quốc trái cây của TPCT, phát triển nông nghiệp cho nên hội đủ điều kiện tự nhiên để thực hiện hoạt động du lịch vườn sinh thái. Hơn thế, khi có mối quan hệ tốt với các tác nhân liên quan như: công ty du lịch, chính quyền địa phương, người dân,... Thực tế, các hộ gia đình luôn tạo điều kiện tốt với chính quyền địa phương và công ty du lịch, người dân trong vùng rất thân thiện và gần gũi, điều này cũng góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch của hộ gia đình. Tuy nhiên, sự hợp tác giữa các điểm du lịch chưa cao, cần tăng cường sự hỗ trợ giữa các hộ tham gia du lịch để phát huy lợi thế du lịch vườn sinh thái.

Xếp hạng thứ ba là nhóm nhân tố “Nguồn lực địa phương”, được đánh giá ở mức điểm trung bình là 3,66. Khi cơ sở vật chất của địa phương tốt, sẽ tạo điều kiện cho hoạt động du lịch vườn sinh thái diễn ra thuận lợi. Do đó, khi địa phương có cơ sở vật chất tốt, cũng sẽ góp phần khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch

vườn sinh thái. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của địa phương cũng cần phải cải thiện rất nhiều về hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp điện và nước để góp phần phát triển loại hình du lịch vườn sinh thái.

Kể đến, nhóm nhân tố “Văn hóa xã hội” có điểm trung bình là 3,63 ở mức quan trọng. Huyện Phong Điền là một huyện nông nghiệp, có hệ thống sông ngòi chằng chịt với nét văn hóa đậm chất miền Tây Nam Bộ. Bên cạnh đó, có nhiều điểm du lịch tâm linh và di tích lịch sử như: Thiền Viện Trúc Lâm Phương Nam, Giàn Gừa, mộ cụ Phan Văn Trị, khu di tích chiến thắng ông Hào sẽ góp phần cho hoạt động du lịch ở địa phương phát triển. Chính vì thế, đây là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái. Tuy nhiên, các điểm du lịch tâm linh và di tích lịch sử ở địa phương chưa được đầu tư và khai thác hết tiềm năng. Chỉ có Thiền Viện Trúc Lâm Phương Nam có đóng góp thu hút khách du lịch, các điểm còn lại chưa tận dụng được lợi thế để góp phần phát triển du lịch ở địa phương.

Xếp hạng thứ năm là nhóm nhân tố “Chính sách địa phương” có điểm trung bình là 3,20. Huyện Phong Điền đang được định hướng phát triển thành khu đô thị sinh thái đầu tiên của TPCT. Do đó, có nhiều chính sách ưu tiên và hỗ trợ cho việc phát triển du lịch sinh thái được áp dụng cho hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, dự án “Du lịch làng nghề văn hóa truyền thống và Homestay” được Chương trình hỗ trợ cạnh tranh toàn cầu (GCF) thuộc chính phủ Đan Mạch đầu tư cũng được thực hiện tại địa phương. Chính vì thế, góp phần phát triển du lịch ở địa phương và khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình. Tuy nhiên, sự hỗ trợ vẫn còn giới hạn như: không cung cấp nhiều thông tin về thị trường du lịch cho hộ gia đình tham gia, chưa có nhiều ưu đãi về tín dụng để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động du lịch của hộ.

#### 4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Thông qua việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái, kết quả nghiên cứu chỉ ra có năm yếu tố tác động, đó là F<sub>1</sub>: Chính sách địa phương, F<sub>2</sub>: Môi trường tự nhiên và Vốn xã hội, F<sub>3</sub>: Văn hóa xã hội, F<sub>4</sub>: Nguồn lực địa phương, F<sub>5</sub>: Lợi ích kinh tế. Mỗi nhóm yếu tố đều có những đóng góp tích cực, góp phần làm tăng sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái. Tuy nhiên, cũng tồn tại nhiều hạn chế làm cho hoạt động du lịch vườn sinh thái ở địa phương gặp nhiều khó khăn. Chính vì thế, nhóm nghiên cứu đề

xuất một số ý kiến như sau, nhằm nâng cao sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch vườn sinh thái:

**Đối với chính quyền**, chính quyền cần chủ động tìm hướng thu hút khách du lịch như: nâng cao lượng khách du lịch (thu hút sinh viên quốc tế và khách du lịch đến nghỉ đông), tăng cường quảng bá du lịch vườn sinh thái qua nhiều kênh (truyền hình, hội trợ, triển lãm du lịch, Internet, phim ảnh, MV ca nhạc, đại sứ du lịch). Giải quyết những khó khăn về hệ thống giao thông như: đầu tư cải thiện hệ thống giao thông đường bộ, thành lập điểm phụ trợ nhằm vận chuyển khách du lịch đến điểm vườn sinh thái bằng đường thủy, hình thành loại hình du lịch đặc trưng miền sông nước. Chính quyền cần tăng cường hỗ trợ đối với hộ gia đình tham gia du lịch về vốn, chủ động kết nối các tác nhân phát triển du lịch vườn sinh thái bao gồm: hộ nhà vườn, hộ vận chuyển, hộ làm thủ công mỹ nghệ, công ty du lịch, nhà hàng khách sạn,... tạo nên chuỗi cung ứng du lịch. Thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa – xã hội, đầu tư trùng tu các điểm di tích lịch sử như: Giàn Gừa, mộ cụ Phan Văn Trị, di tích chiến thắng ông Hào.

**Đối với hộ gia đình**, nếu muốn tăng nguồn thu nhập, hộ gia đình cần cải thiện các dịch vụ để thu hút khách du lịch. Đối với các hộ nhà vườn, cần cải thiện vườn cây, thiết kế các trò vui chơi giải trí mới lạ. Làng hoa “Tân Long A” chủ động phối hợp, tạo nên dịch vụ du lịch hoa kiềng vào các dịp giáp tết nguyên đán. Đối với hộ vận chuyển, phải trang bị phao cứu hộ trên phương tiện vận chuyển, nhằm đảm bảo an toàn cho du khách. Đối với hộ cung cấp thực phẩm và thủ công mỹ nghệ, cần sáng tạo thiết kế ra những sản phẩm mới, đặc trưng, khó tìm thấy ở những điểm du lịch khác. Mặt khác, các hộ gia đình tham gia du lịch cần có sự liên kết, hỗ trợ giữa các tác nhân khác nhằm giúp du lịch vườn sinh thái phát triển. Bên cạnh đó, cần trang bị ngoại ngữ cho nguồn nhân lực tham gia phát triển du lịch vườn sinh thái.

**Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo**, để du lịch vườn sinh thái phát triển cần sự tham gia của nhiều tác nhân. Các tác nhân tham gia vào hoạt động du lịch vườn sinh thái có thể bao gồm: chính quyền, công ty du lịch, nhà hàng khách sạn, hộ gia đình phục vụ du lịch,... Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ dừng lại ở đối tượng là hộ gia đình phục vụ du lịch, chưa xem xét sự tham gia của các tác nhân khác vào hoạt động du lịch vườn sinh thái. Đó là hạn chế và cũng là hướng cần thực hiện các nghiên cứu tiếp theo, giúp phát triển du lịch vườn sinh thái ở TPCT.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akarapong, U., Mingsarn, K., Vicente, R., Korawan, S., Javier, R.M., 2010. Factors Influencing Local Resident Support for Tourism Development: A Structural Equation Model. Best Paper Award in The APTA Conference 2010 at Macau, China between 13-16 July 2010.
- Brida, J.G., Giacomo, D.C., Marta, M., Manuela, P., 2012. The perceptions of an island community towards cruise tourism: A factor analysis. Original scientific. Vol. 60/ No. 1/: 29-42.
- Brida, J.G., Osti, L., Faccioli, M., 2011. Residents' perception and attitudes towards tourism impacts: A case study of the small rural community of Folgaria (Trentino-Italy). Benchmarking: an international journal. 18 (3): 359-385.
- Cevat Tosun (2000), Limits to community participation in the tourism development process in developing countries. *Tourism Management* 21 (2000) 613 – 633.
- Dimitrios, S., Avital, B., Jason, S., Edith, M.S., 2014. Residents' support for tourism development: The role of residents' place image and perceived tourism impacts. *Tourism Management*. 45: 260-274.
- Fariborz, A., Ma'rof, B.R., 2008. Barriers to Community Participation toward Tourism Development in Shiraz, Iran. *Pakistan Journal of Social Sciences*. 5: 936-940.
- Huamin, L., Xuejing, Z. 2011. Factors on tourist community participation in Dongqian Lake. *Artificial Intelligence. Management Science and Electronic Commerce*: 354-357.
- May-Chiun Lo, Peter Songan, Abang Azlan Mohamad and Alvin W. Yeo (2013), Rural Tourism and Destination Image: Community Perception in Tourism Planning. *The Macrotheme Review, A multidisciplinary journal of global macro trends*, 102-118.
- Mohd, H.H., Mohd, R.J., Muhammad, I.Z., 2013. Local Community Attitude and Support towards Tourism Development in Tioman Island, Malaysia. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*. 105: 792-800.
- Nguyễn Thị Hóa (2000), Vai trò của kinh tế vườn trong việc phát triển kinh tế - Xã hội ở Việt Nam. *Tạp chí khoa học, Đại học Huế*, số 28, 2005, trang 5 - 9.
- Nguyễn Văn Hoàng (2013), Phát triển du lịch sinh thái vườn - Một hướng đi mới của du lịch Đà Lạt. *Diễn đàn nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học 2013*, trang 49-52. [www.yersin.edu.vn/Uploads/2013/03/TT\\_Khoa\\_Hoc\\_So\\_02\\_22\\_12.pdf](http://www.yersin.edu.vn/Uploads/2013/03/TT_Khoa_Hoc_So_02_22_12.pdf)
- Omondi K., Kamau J., 2010. Limitations to community participation in tourism process in Kenya: A case study of Kakamega Forest national reserve and the adjacent communities. *International Journal of Creativity and Technical Development*. Vol.2: 1-3.
- Pam, D., Dogan, G., Bishnu, S., Jennifer, C., 2007. Structural modeling of resident perceptions of tourism and associated development on the Sunshine Coast, Australia. *Tourism Management*. 28: 409-422.
- Ravinder, D., Anil, G., 2012. Barriers to Community Participation in Tourism Development: Empirical Evidence from a Rural Destination. *International Review of Business Research Papers*. Vol. 5 No. 4: 399-408.
- Rojana, T., 2013. Community participation and social capital in tourism planning and management in a Thai context. Thesis submitted in partial fulfillment of the requirements for the Degree of Doctor of Philosophy, Lincoln University.
- Rukavina, B., Soemarno, Luchman, H., Iwan, N., 2013. Social Capital in the Development of Ecotourism: A Case Study in Tambaksari Village Pasuruan Regency, East Java Province, Indonesia. *Journal of Basic and Applied Scientific Research*. 3(3): 1-7.
- Subchat, U., 2013. Modeling residents' perceptions on ecotourism in upper morttheast, Thailand. *Proceedings of The International Conference on Tourism, Transport, and Logistics*. 581-596.
- Sun, H.C., 2013. The Impacts of Tourism and Local Residents Support on Tourism Development: a case Study of the Rural Community of Jeongseon, Gangwon Province, South Korea. *AU-GSB e-Journal*. Vol. 6 No. 1: 73-82.
- Tang, C., Zhong, Li., Cheng, S., 2012. Tibetan Attitudes Towards Community Participation and Ecotourism. *J. Resour. Ecol*. 3 (1): 008-015.
- Tatoglu, E., Erdal, F., Ozgur, H., Azakli, S., 2002. Resident perceptions of the impact of tourism in a Turkish resort town. *Proceeding of the First International Joint Symposium on Business Administration*. 745-755.
- Tsung, H.L., 2012. Influence analysis of community resident support for sustainable tourism development. *Tourism Management*. 34: 1-10.
- Yooshik, Y., Dogan, G., Joseph, S.C., 2001. Validating a tourism development theory with structural equation modeling. *Tourism Management*. 22: 363-372.
- Yunpeng, Z., 2009. Perceived Impacts of Tourism Oriented Urban Historic District Revitalization: Case Study of Yangzhou, China. Master's programme in Urban management and development, October 2008 – September 2009.